

Số: **818** /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **21** tháng **4** năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính**  
**Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 1 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 03/2015/TT-BKHHCN ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ Ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ Quyết định số 2838/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh về việc thành lập và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 12/TTr-SKHHCN ngày 06 tháng 3 năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

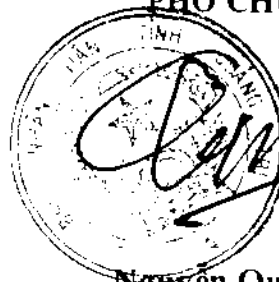
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Hội đồng quản lý Quỹ; Cơ quan điều hành Quỹ; Ban kiểm soát Quỹ, và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*  
- Như điều 2;  
- Bộ KHHCN;  
- Lưu: VT, TM

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quân Chính**

## **QUY CHẾ**

**Quản lý tài chính Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số **218/QĐ-UBND** ngày **21/4/2017** của UBND tỉnh)

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này áp dụng đối với hoạt động quản lý tài chính Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Quỹ).

#### **Điều 2. Đối tượng điều chỉnh**

1. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

#### **Điều 3. Nguyên tắc hoạt động**

1. Quỹ thực hiện mọi khoản thu, chi công khai, minh bạch, đúng mục đích cho hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.
2. Các hoạt động sử dụng vốn của Quỹ phải đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định của Quỹ và phù hợp với quy định của Nhà nước, phù hợp với đặc điểm tình hình hoạt động của Quỹ, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao và đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho cán bộ, viên chức của Quỹ.
3. Quỹ hoạt động theo cơ chế tài chính áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu do ngân sách nhà nước đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên, hạch toán độc lập, không vì mục đích lợi nhuận; theo Điều lệ Quỹ đã được UBND tỉnh phê duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

### **Chương II**

#### **QUY ĐỊNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN**

#### **Điều 4. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ**

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn được quy định tại Điều 3 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị đã được UBND tỉnh ban hành theo Quyết định số 2838/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Điều lệ Quỹ).

#### **Điều 5. Quản lý và sử dụng vốn**

1. Vốn của Quỹ được sử dụng cho các đối tượng được cấp, tài trợ, hỗ trợ, cho vay và chi hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều 5 Điều lệ Quỹ và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Quỹ được phép chuyển nguồn vốn kết dư (kể cả vốn do ngân sách nhà nước cấp) trong năm tài chính sang năm kế tiếp.

3. Mức chi, đối tượng chi từ Quỹ được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước và theo quy định tại Chương III của Quy chế này.

4. Quỹ mở tài khoản giao dịch tại Kho bạc nhà nước để tiếp nhận và cấp phát kinh phí thực nhiệm vụ KH&CN, kinh phí ngân sách cấp cho bộ máy và hoạt động của Quỹ hàng năm:

5. Quỹ được mở tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiếp nhận các nguồn kinh phí khác ngoài các nguồn kinh phí nêu tại khoản 4.

6. Vốn hoạt động và tài sản của Quỹ phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả. Các trường hợp tổn thất về vốn và tài sản của Quỹ phải xác định rõ nguyên nhân và xử lý theo quy định.

### **Chương III**

#### **QUY ĐỊNH QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ CỦA QUỸ**

Hoạt động nghiệp vụ của Quỹ bao gồm cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, hỗ trợ, bảo lãnh vốn vay và nhận ủy thác để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

##### **Điều 6. Hoạt động cấp kinh phí**

1. Đối tượng được cấp kinh phí: Theo Điểm a Khoản 1 Điều 12 Điều lệ Quỹ

Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở của Sở Khoa học & Công nghệ có thể giao Quỹ cấp kinh phí theo yêu cầu của Giám đốc Sở Khoa học & Công nghệ sau khi được sự thống nhất của Sở Tài chính.

2. Nguyên tắc, thủ tục cấp kinh phí

a) Việc cấp kinh phí căn cứ vào hợp đồng ký kết giữa cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ với tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo hồ sơ do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp.

b) Quỹ thực hiện tổng hợp số liệu quyết toán kinh phí cấp vào báo cáo quyết toán tài chính của Quỹ theo quy định hiện hành.

c) Quỹ không thực hiện việc xét chọn, tuyển chọn, đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà Quỹ thực hiện cấp kinh phí.

3. Hồ sơ và thủ tục cấp kinh phí (Bao gồm : tạm ứng, hoàn tạm ứng, cấp thanh toán qua Kho bạc NN)

- Căn cứ hồ sơ do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. Quỹ thực hiện các thủ tục theo quy định hiện hành.

##### **Điều 7. Hoạt động tài trợ**

1. Đối tượng được tài trợ: Theo Điều 13 Điều lệ Quỹ

2. Nguyên tắc, thủ tục tài trợ:

a) Hội đồng quản lý Quỹ thành lập các Hội đồng khoa học và công nghệ để xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tài trợ và đề xuất mức tài trợ đối

với từng nhiệm vụ. Việc xét chọn phải được thực hiện công khai, dân chủ, bình đẳng theo đúng quy định:

b) Trong quá trình thực hiện, Hội đồng quản lý Quỹ được quyền điều chỉnh mức vốn tài trợ để phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo tính hiệu quả của nhiệm vụ và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

c) Việc tài trợ phải được thực hiện đúng đối tượng, vốn tài trợ phải được sử dụng đúng mục đích và phải được giải ngân theo tiến độ thực hiện của nhiệm vụ. Nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ không được trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã hoặc đang thực hiện bằng nguồn vốn của Quỹ hoặc nguồn vốn khác của Nhà nước.

4. Quy trình, thủ tục tài trợ: Thực hiện theo mẫu quy định của Quỹ ban hành.

5. Mức tài trợ: Mức tài trợ cho một nhiệm vụ tối đa không quá 100 triệu đồng.

6. Xử lý sai phạm đối với một số trường hợp tài trợ: Tổ chức, cá nhân sử dụng vốn không đúng mục đích, nếu phát hiện sai phạm, cơ quan điều hành Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ thu hồi vốn tài trợ như trường hợp đối với vốn vay.

#### **Điều 8. Hoạt động cho vay**

1. Đối tượng được cho vay : Theo Điểm a, b Khoản 1 Điều 14 Điều lệ Quỹ.

2. Nguyên tắc cho vay: Quỹ cho vay theo nguyên tắc hoàn trả

3. Các dự án được vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi như sau:

a) Cho vay vốn không lấy lãi bao gồm các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước; ứng dụng công nghệ cao hoặc sản xuất sản phẩm công nghệ cao; tạo việc làm và thu nhập tại các vùng nông thôn, miền núi, các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội;

b) Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi bao gồm các dự án đổi mới công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng và sức cạnh tranh cao.

4. Điều kiện cho vay của Quỹ

a) Cho vay đối với doanh nghiệp thoả mãn các điều kiện dưới đây:

- Có dự án khả thi thuộc Điểm a, b Khoản 3 Điều này;

- Chủ doanh nghiệp thực hiện dự án có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Phải đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu tham gia dự án tối thiểu 20% và phải đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện dự án;

- Có khả năng trả nợ trong thời hạn quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết;

- Có 02 năm (hai năm) gần nhất hoạt động không lỗ;

- Thực hiện các quy định về đảm bảo tiền vay theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Doanh nghiệp có dự án khả thi được hỗ trợ vay vốn từ Quỹ, thì không được hỗ trợ vay vốn ưu đãi từ các tổ chức tín dụng khác của Nhà nước.

b) Cho vay đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thoả mãn các điều kiện dưới đây:

- Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động;
  - Có dự án khả thi thuộc Điểm a, b Khoản 3 Điều này;
  - Có đội ngũ cán bộ đủ năng lực đảm nhiệm, có điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện dự án;
  - Cá nhân chủ trì: có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với dự án xin vay vốn và có kinh nghiệm chủ trì ít nhất 01 dự án tương tự;
  - Có khả năng trả nợ trong thời hạn quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết;
  - Thực hiện các quy định về đảm bảo tiền vay theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - Không phải là đơn vị đang chủ trì dự án bằng ngân sách nhà nước chưa được quyết toán;
  - Không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước (một phần hoặc toàn bộ);
- c) Cho vay đối với cá nhân thoả mãn các điều kiện dưới đây:
- Có dự án khả thi thuộc Điểm a, b Khoản 3 Điều này;
  - Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
  - Hợp đồng nghiên cứu/ứng dụng với 01 doanh nghiệp có 02 năm gần nhất hoạt động không lỗ;
- + Bản cam kết của doanh nghiệp có hợp đồng ký kết với cá nhân về việc doanh nghiệp sẽ trả khoản nợ vay của Quỹ thay cho cá nhân trong trường hợp cá nhân không trả được nợ vay.

#### 5. Mức vốn vay, thời hạn và lãi suất cho vay

a) Mức vốn vay trong phạm vi khả năng nguồn vốn cho phép của Quỹ, phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn, kế hoạch thu - chi tài chính hàng năm đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

#### b) Thời hạn cho vay

Được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ, điều kiện cụ thể của dự án vay vốn và khả năng trả nợ của người vay, nhưng không quá 36 tháng. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

#### c) Lãi suất cho vay

- Cho vay không lấy lãi đối với các dự án được quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này;

- Cho vay với lãi suất ưu đãi, hoặc lãi suất thấp so với lãi suất hiện hành của ngân hàng thương mại cụ thể đối với các dự án theo từng quyết định Hội đồng Quản lý Quỹ;

- Mức lãi suất cho vay quy định tại điều này là lãi suất cố định trong suốt thời gian vay vốn thực hiện dự án.

#### 6. Quy trình thẩm định và thẩm quyền quyết định mức vốn vay

##### a) Hồ sơ dự án đề nghị xét cho vay

Theo mẫu quy định của Hội đồng quản lý Quỹ.

## b) Thẩm định cho vay và thẩm quyền cho vay

- Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cho vay không lấy lãi hoặc cho vay với lãi suất thấp đối với từng dự án cụ thể trên cơ sở đề nghị của Giám đốc cơ quan điều hành Quỹ;

- Đối với trường hợp cho vay với lãi suất thấp được thực hiện từ nguồn vốn huy động ngoài ngân sách để thực hiện các dự án, mức lãi suất cho vay được Quỹ công bố tại từng thời điểm, căn cứ vào thoả thuận giữa Quỹ và tổ chức tài chính, ngân hàng trong nước và ngoài nước cho vay ưu đãi;

- Dự án được Hội đồng khoa học và công nghệ thẩm định đánh giá tính khả thi và hiệu quả đạt trên 80% trở lên: mức vốn vay bằng 60% so với tổng vốn đầu tư, nhưng không quá một tỷ đồng;

- Dự án được Hội đồng khoa học và công nghệ thẩm định đánh giá tính khả thi và hiệu quả đạt từ 60% đến 80%: mức vốn vay 40% so với tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 500 triệu đồng (Năm trăm triệu đồng).

## 7. Bảo đảm tiền vay

- Quỹ cho vay trên cơ sở có tài sản bảo đảm bằng các hình thức cầm cố tài sản, thế chấp tài sản và các biện pháp đảm bảo khác theo quy định của pháp luật.

- Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định pháp luật có liên quan;

- Trong trường hợp việc cho vay không có tài sản bảo đảm đối với các dự án có tính chất đầu tư sẽ do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

## 8. Trích lập quỹ dự phòng rủi ro

a) Hàng năm, Quỹ được trích lập quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp các tổn thất không thu hồi được vốn đã uỷ thác cho bên nhận uỷ thác của Quỹ;

b) Mức trích lập quỹ dự phòng rủi ro được xác định bằng 0,75%/năm tính trên tổng dư nợ thực tế cuối năm;

c) Khoản trích lập quỹ dự phòng rủi ro được tính vào chi phí của Quỹ. Cuối năm, nếu không sử dụng hết quỹ dự phòng rủi ro, số dư của quỹ được chuyển sang năm tiếp theo.

Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp tổn thất phát sinh trong năm, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định;

d) Thời điểm trích lập quỹ dự phòng rủi ro là cuối kỳ kế toán năm.

## 9. Xử lý sai phạm đối với trường hợp cho vay

a) Đối với các dự án đã được tài trợ sử dụng kinh phí sai mục đích, sai chế độ tiêu chuẩn quy định, thì Cơ quan điều hành Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ quyết định dừng việc thanh toán kinh phí còn lại và thu hồi phần kinh phí sử dụng sai mục đích, sai chế độ. Ngoài ra trong trường hợp sử dụng kinh phí sai mục đích, sai chế độ thì tùy theo mức độ sai phạm tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án còn phải chịu các chế tài xử lý vi phạm khác theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp dự án phải ngừng triển khai hoặc không đạt kết quả theo dự kiến do nguyên nhân khách quan (đơn vị chủ trì bị phá sản, chủ nhiệm dự án, qua đời hoặc mất tích, công trình nghiên cứu bị ảnh hưởng thiên tai, bão lụt, hoả

hoan,...) dẫn đến không đảm bảo hoàn trả kinh phí thu hồi, kinh phí cho vay thì được xem xét miễn, giảm kinh phí cho vay, lãi suất cho vay, gia hạn thời hạn vay.

- Trong trường hợp này đơn vị chủ trì dự án phải báo cáo kịp thời cho Cơ quan điều hành Quỹ bằng văn bản (kèm theo các hồ sơ liên quan như: Quyết định công bố phá sản doanh nghiệp, giấy chứng từ, xác nhận mất tích của chính quyền địa phương, xác nhận của cơ quan phòng cháy chữa cháy, cơ quan phòng chống lụt bão về thiệt hại của dự án, chương trình,...) để Cơ quan điều hành Quỹ kiểm tra, xác nhận về quá trình triển khai thực hiện và lý do phải ngừng triển khai: khả năng hoàn trả kinh phí ngân sách nhà nước;

- Sau khi kiểm tra xác nhận hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro, Cơ quan điều hành Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xem xét quyết định xử lý;

- Trường hợp các dự án vay vốn vi phạm hợp đồng, trả nợ thu hồi, nợ vay không đúng hạn, chủ trì dự án phải chịu lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Đồng thời phải chịu trách nhiệm thực hiện các chế tài về thu nợ và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật, không được vay vốn thực hiện dự án tiếp theo khi chưa trả hết nợ vay;

- Trường hợp miễn, giảm thu hồi vốn vay, Quỹ báo cáo UBND tỉnh quyết định.

10. Hình thức thu hồi vốn vay: Việc thanh toán nợ vay được thực hiện ngay khi kết thúc thời hạn vay. Việc trả lãi vay thực hiện hàng quý bắt đầu từ khi hợp đồng vay có hiệu lực.

### **Điều 9. Hoạt động hỗ trợ của Quỹ**

1. Đối tượng hỗ trợ: Theo khoản 1 Điều 15 Điều lệ Quỹ

2. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ trong phạm vi của tỉnh sau đây:

- Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế tại Việt Nam do các đơn vị quản lý, đơn vị sự nghiệp KH&CN chủ trì.

- Khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nghiên cứu, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ tỉnh do Quỹ tài trợ, hỗ trợ.

b) Hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh;

- Tham dự và báo cáo công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc tại hội thảo chuyên ngành quốc tế:

- Công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín;

3. Mức hỗ trợ kinh phí:

- Tùy khả năng tài chính của Quỹ để xem xét mức hỗ trợ. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho từng trường hợp.

- Tổng kinh phí hỗ trợ một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ của tỉnh hàng năm không quá 10% vốn điều lệ của Quỹ.

- Hồ sơ, thủ tục hỗ trợ theo quy định hiện hành của Quỹ

## **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VỀ THỰC HIỆN CHO VAY, TÀI TRỢ, HỖ TRỢ**

#### **Điều 10. Trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ**

1. Phê duyệt kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ. Hướng dẫn các hồ sơ, thủ tục và thanh quyết toán vốn vay, tài trợ, hỗ trợ.
2. Quy định các tiêu chí đánh giá, xét chọn dự án được tài trợ, cho vay từ nguồn vốn của Quỹ.
3. Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ, các báo cáo kết quả kiểm soát và báo cáo thẩm định quyết toán tài chính của Ban Kiểm soát Quỹ.
4. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ trong việc thực hiện các quy định của Hội đồng quản lý Quỹ.
5. Quyết định tài trợ, cho vay, hỗ trợ theo các quy định tại quy định này.

#### **Điều 11. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát Quỹ**

1. Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ. Định kỳ hàng quý, năm và theo vụ việc, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ bằng văn bản kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ.
2. Xem xét, trình Hội đồng quản lý Quỹ giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động tài chính của Quỹ.

#### **Điều 12. Trách nhiệm của Cơ quan điều hành Quỹ**

1. Thực hiện cấp phát kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hồ sơ Sở Khoa học Công nghệ cung cấp.
2. Thực hiện thẩm định, đánh giá và xét chọn các nhiệm vụ để trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cho vay, mức vay, thời hạn cho vay đối với từng nhiệm vụ cụ thể theo quy định.
3. Thực hiện thẩm định, đánh giá và xét chọn các nhiệm vụ để trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các dự án tài trợ, mức tài trợ.
4. Thực hiện thẩm định nội dung và đề xuất mức hỗ trợ để Hội đồng quản lý Quỹ quyết định nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ.
5. Ủy thác cho tổ chức tín dụng ký hợp đồng cho vay theo quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ đối với từng khoản vay.
6. Phối hợp với tổ chức tín dụng theo dõi và thu hồi các khoản vốn vay, lãi vay đúng hạn theo hợp đồng đã ký kết.
7. Trình Hội đồng quản lý Quỹ biện pháp xử lý các trường hợp vi phạm.

#### **Điều 13. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được Quỹ cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, hỗ trợ.**

1. Sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng mục đích, đúng chế độ tiêu chuẩn, định kỳ có báo cáo tình hình sử dụng kinh phí quy định.



2. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng, các chế độ do Quỹ quy định và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân được nhận kinh phí tài trợ, vay vốn, hỗ trợ của Quỹ thực hiện quyết toán trực tiếp với Cơ quan điều hành Quỹ.

#### **Điều 14. Thẩm quyền xử lý rủi ro**

1. Kinh phí cấp từ nguồn ngân sách nhà nước cho thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển khoa học và công nghệ. Việc xử lý rủi ro theo quy định quản lý của từng loại nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Dự án được vay vốn khi đang tiến hành mà gặp phải các trường hợp rủi ro dưới đây dẫn đến không thể thực hiện được dự án, thì được xem xét miễn, giảm kinh phí cho vay, lãi suất cho vay, gia hạn thời hạn vay.

a) Đơn vị thực hiện dự án bị phá sản;

b) Cá nhân chủ nhiệm dự án bị chết hoặc mất tích;

c) Trong quá trình thực hiện gặp các yếu tố khách quan: Thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, dẫn đến không thể thực hiện được dự án.

d) Trong các trường hợp này đơn vị thực hiện dự án phải báo cáo kịp thời cho Cơ quan điều hành Quỹ bằng văn bản.

3. Cơ quan điều hành Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định.

#### **Điều 15. Xử lý nợ quá hạn**

Trường hợp các dự án vay vốn vi phạm hợp đồng, trả nợ vay không đúng hạn, chủ dự án phải chịu lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn (đối với cả phần gốc và lãi trong hạn). Đồng thời phải chịu trách nhiệm thực hiện các chế tài về thu nợ và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật.

### **Chương V**

#### **QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ**

#### **Điều 16. Kinh phí hoạt động của bộ máy Quỹ**

1. Ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động thường xuyên theo dự toán hàng năm.

2. Thu từ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ tại Chương III Quy chế này.

3. Thu nhập từ hoạt động tài chính.

4. Các khoản thu khác.

#### **Điều 17. Chi hoạt động Quỹ**

1. Chi cho bộ máy quản lý Quỹ:

a) Chi tiền lương, phụ cấp lương, tiền công và các khoản mang tính chất tiền lương, tiền công cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hợp đồng của Quỹ;

b) Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đóng góp kinh phí công đoàn theo chế độ Nhà nước quy định;

c) Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và các chức danh kiêm nhiệm khác, mức chi theo quy định hiện hành.

d) Chi mua sắm công cụ, dụng cụ, vật tư văn phòng;

đ) Chi về cước phí bưu điện, truyền tin: Chi về bưu phí, truyền tin, điện thoại, điện báo, thuê kênh truyền tin, internet, telex, fax....

e) Chi thanh toán dịch vụ công cộng: điện, nước, nhiên liệu vệ sinh cơ quan, bảo vệ môi trường...

g) Chi công tác phí cho cán bộ đi công tác trong và ngoài nước theo quy định của Nhà nước;

h) Chi thuê mướn (phương tiện vận chuyển, thiết bị, dịch vụ phục vụ công tác chuyên môn, thuê lao động, chuyên gia trong và ngoài nước);

i) Mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản;

k) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định.

2. Chi hoạt động nghiệp vụ:

a) Chi phí huy động vốn;

b) Chi phí dịch vụ thanh toán;

c) Chi dịch vụ ủy thác theo hợp đồng ủy thác;

d) Chi trích lập quỹ dự phòng rủi ro;

đ) Chi cho các hoạt động về thẩm định đầu tư, cho vay, tài trợ, thanh tra, kiểm tra thu hồi nợ đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng vốn của Quỹ;

e) Chi thuê chuyên gia: Mức chi thuê chuyên gia để thẩm định công nghệ cho các dự án được vay vốn theo thỏa thuận cho từng dự án tại thời điểm vay vốn;

g) Chi phí tuyển chọn, xét chọn, thẩm định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tài trợ, cho vay;

h) Chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tài trợ, cho vay (áp dụng theo các quy định hiện hành);

i) Chi cho việc xử lý phát mại tài sản thế chấp vay vốn của Quỹ;

k) Các chi phí nghiệp vụ khác theo quy định của Nhà nước.

3. Các khoản chi không thường xuyên: Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức; chi đầu tư xây dựng cơ bản; mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; và các khoản chi không thường xuyên khác.

### **Điều 19. Chế độ quản lý chi tiêu**

1. Căn cứ dự toán hàng năm được Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt và các khoản thu hợp pháp của Quỹ, Quỹ xây dựng dự toán thu chi theo các chế độ quy định hiện hành.

2. Giám đốc Quỹ ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công phù hợp với các quy định của nhà nước.

3. Quỹ không được hạch toán vào chi phí các khoản sau:

a) Các khoản thiệt hại đã được hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường;

b) Các khoản chi phạt do vi phạm hành chính do nguyên nhân chủ quan, phạt vi phạm chế độ tài chính;

c) Các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, nâng cấp, cải tạo tài sản cố định thuộc nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

### **Điều 20. Quản lý và sử dụng tài sản**

Việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại Quỹ được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành áp dụng.

### **Điều 21. Phân phối thu nhập và sử dụng các Quỹ**

#### **1. Phân phối thu nhập**

Hàng năm sau khi trang trải các khoản chi phí và các khoản nộp theo quy định, phân chênh lệch thu lớn hơn chi được phân phối như sau:

a) Trích 10% vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

b) Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập tối đa không quá 2 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định;

c) Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi tối đa không quá 2 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị;

d) Số còn lại sau khi trích lập các Quỹ trên sẽ được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển.

2. Nội dung chi các quỹ: Thực hiện theo quy định hiện hành.

Khi nhà nước thay đổi các quy định liên quan đến việc trích lập các quỹ và nội dung chi các quỹ, Quỹ thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

### **Điều 22. Lập và phê duyệt kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ**

1. Hàng năm Quỹ xây dựng dự toán hoạt động của Quỹ gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trong dự toán chi hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm của tỉnh.

2. Căn cứ dự toán được phê duyệt, Cơ quan điều hành Quỹ lập kế hoạch tài chính gửi cho Ban Kiểm soát thẩm định, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

3. Quỹ không lập dự toán cho các nguồn vốn được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 3, Điều lệ Quỹ (nguồn kinh phí này do Sở Khoa học và Công nghệ lập và trình UBND tỉnh phê duyệt).

## **Chương VI**

### **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN**

#### **Điều 23. Công tác tài chính kế toán**

1. Quỹ thực hiện công tác tài chính kế toán theo quy định của Luật Kế toán, Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Kế toán, Luật Ngân sách hiện hành.

2. Quỹ áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo quy định của Bộ Tài chính (Ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ

trường Bộ Tài chính và Thông tư 185/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

3. Giám đốc Quỹ lập báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của Quỹ gửi Ban kiểm soát, Hội đồng quản lý Quỹ và cơ quan quản lý tài chính theo quy định.

#### **Điều 24. Kiểm tra, giám sát tài chính**

1. Hàng năm Quỹ phải thực hiện tự kiểm tra tài chính kế toán theo “Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại cơ quan đơn vị có sử dụng ngân sách Nhà nước” ban hành kèm theo Quyết định 67/2004/QĐ-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

2. Quỹ chịu sự kiểm tra tài chính theo quy định hiện hành của Luật ngân sách.

### **Chương VII**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 25. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ban điều hành Quỹ ban hành bộ hồ sơ cho từng hoạt động nghiệp vụ, hướng dẫn các đối tượng sử dụng Quỹ các thủ tục chi tiết để giải ngân thuận tiện.

2. Sở Khoa học và Công nghệ giúp UBND tỉnh quản lý thực hiện chức năng nhà nước về hoạt động chung của Quỹ.

3. Sở Tài chính giúp UBND tỉnh hiện chức năng quản lý nhà nước về các hoạt động tài chính của Quỹ.

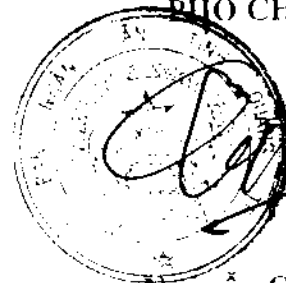
4. Kho bạc Nhà nước thực hiện chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc theo quy định hiện hành.

#### **Điều 26. Điều khoản thi hành**

1. Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng có hiệu quả, bao toàn và phát triển vốn của nhà nước, vận huy động của các tổ chức, cá nhân khác trong quá trình hoạt động theo mục tiêu hoạt động của Quỹ.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình cụ thể, Cơ quan điều hành Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ nghiên cứu, kiến nghị UBND tỉnh xem xét giải quyết. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quân Chính